

Bản án số: 103/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 5 - 2021

V/v Chia tài sản, nợ sau khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Giang Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hiền

Ông Đặng Hữu Thọ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:** Ông Võ Việt Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 599/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp chia tài sản, nợ sau khi ly hôn nhân theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngung, sinh năm 1212

Cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt)

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngung, sinh năm 1212

Cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đàm D.

Địa chỉ trụ sở: Khóm 4, thị t, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt)

2. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt N

Địa chỉ trụ sở: Số 169 Linh Đường, phường H, quận H, Thành p .

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Quyết T là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng (Tổng giám đốc).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thắng: Ông Lê Thanh Đ – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đàm Dơi (Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Điền: Ông Mai Quốc V – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đàm Dơi (Văn bản ủy quyền số 42/UQ-NHCS ngày 25/02/2021).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hồ Văn N trình bày:*

Ông với bà Nguyễn Thị N được Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xử ly hôn tại Bản án số 52/2020/HNGĐ-ST ngày 13/3/2020. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu chia đôi các tài sản chung của vợ chồng gồm 02 căn nhà và các tài sản theo biên bản định giá ngày 02/3/2021 được ông và bà N thống nhất cụ thể giá trị các tài sản sau: 01 căn nhà trước giá trị còn lại 25.099.000 đồng; 01 căn nhà sau giá trị còn lại 20.000.000 đồng; 02 hồ nước giá trị còn lại 2.239.000 đồng; 01 bộ ván ngựa 04 tấm ngang 02m x dài 04m giá trị còn lại 7.000.000 đồng; 02 tủ áo bằng cây gỗ địa phương giá trị còn lại 5.000.000 đồng; 01 Vò composit giá trị còn lại 1.000.000 đồng; 01 tủ phê bằng cây gỗ giá trị còn lại 4.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Sharp giá trị còn lại 4.000.000 đồng; 01 xe honda hiệu Wave biển kiểm soát 69F1. 076.51 Hồ Hải Đ đứng tên giá trị còn lại 4.000.000 đồng; 02 bộ ly quảng bằng gạch giá trị còn lại 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 73.338.000 đồng.

Ông N xác định hiện nay ông đang quản lý 02 căn nhà (nhà trước, nhà sau) và toàn bộ tài sản chung của vợ chồng trên phần đất của ông được ông và bà Ngưng thỏa thuận phân chia tài sản vào ngày 11/8/2020. Khi chia tài sản chung của vợ chồng, ông yêu cầu được nhận nhà và các tài sản nêu trên, ông giao lại ½ giá trị cho bà N.

Đối với phần nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Ông xác định ông và bà Ngưng trước đây có vay Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đàm Dơi số tiền 25.000.000 đồng và vay Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đàm Dơi số tiền 15.000.000 đồng để phục vụ cho gia đình, quá trình vay bà Ngưng đi làm, ông có đáo hạn nhiều lần, sau này chỉ còn ông đứng tên vay. Nay ông yêu cầu bà Ngưng có trách nhiệm cùng ông trả ½ số nợ cho các Ngân hàng.

*- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Sau khi bà và ông Hồ Văn N ly hôn, ông N yêu cầu chia đôi các tài sản chung sau khi ly hôn. Bà xác định vợ chồng có các tài sản chung gồm có 02 căn nhà và các tài sản đúng như ông N trình bày. Các tài sản chung Hội đồng định giá ngày 02/3/2021 được bà với ông Nhu thống nhất thỏa thuận giá 02 căn nhà

và các tài sản có tổng giá trị là 73.338.000 đồng.

Khi Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn, bà yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản. Giao xe honda hiệu Wave biển kiểm soát 69F1. 076.51 đứng tên Hồ Hải Đ và 1/2 giá trị tài sản còn lại cho ông N .

Đối với phần nợ: Bà xác định vào ngày 07/5/2014 bà đi làm ở tỉnh Bình Dương đến nay nên bà không liên quan đến số tiền ông N vay các Ngân hàng. Việc ông N vay tiền làm gì bà không biết vì bà và ông N không cùng nhau bàn bạc vay tiền Ngân hàng. Do ông N tự vay tiền Ngân hàng, ông N có trách nhiệm trả chứ bà không liên quan đến việc vay tiền các Ngân hàng.

*- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt N trình bày:*

Ông Hồ Văn Nhu có vay tiền tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đầm Dơi theo sổ kế ước tiền vay số 66000007172555798 với tổng số tiền là 15.077.627 đồng, trong đó nợ gốc 15.000.000 đồng, nợ lãi đến ngày 01/02/2021 là 77.627 đồng. Ngày vay 26/3/2020, hạn trả 26/3/2025, lãi suất cho vay 0,75%/tháng, lãi suất suất hạn bằng 130% lãi suất trong hạn. Hình thức trả nợ, trả lãi tiền vay: Tiền gốc 0 đồng, tiền lãi đã trả 1.012.250 đồng. Tình trạng món vay: Đang trong hạn, hộ vay có tranh chấp chia tài sản sau ly hôn. Do đó, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị N cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền vay và lãi là 15.077.627 đồng, trong đó vốn là 15.000.000 đồng và lãi đến ngày 01/02/2021 số tiền 77.627 đồng và lãi phát sinh đến thời điểm tất toán món nợ.

Tại phiên tòa ông V xác định, vào ngày 26/3/2020 ông N là người trực tiếp vay tiền và khoản vay đến hạn trả vào ngày 25/3/2025. Từ khi vay đến nay, ông N không vi phạm nghĩa vụ theo kế ước vay. Nay, Ngân hàng rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông N và bà N g. Sau này nếu ông N vi phạm nghĩa vụ Ngân hàng khởi kiện thành vụ kiện khác.

*- Đối với Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án nhưng Ngân hàng không có ý kiến đối với yêu cầu của ông N .

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Qua xem xét lời trình bày của đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào Điều 42 của Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn N . Giao cho ông Hồ Văn N được nhận tài sản là ngôi nhà và các tài sản khác. Buộc ông Hồ Văn

Nhu có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị N  $\frac{1}{2}$  giá trị tương đương số tiền 36.669.000 đồng.

Không chấp nhận một phần khởi kiện của ông Hồ Văn Nhu về việc yêu cầu bà N chia  $\frac{1}{2}$  số nợ ông N đã vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đàm Dơi số tiền 15.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đối với ông Hồ Văn N.

Đối với Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam không có ý kiến, nên không đặt ra xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng Ngân hàng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết: Ông Hồ Văn N khởi kiện chia tài sản và nợ. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về chia tài sản, nợ sau khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của ông N về chia căn nhà và tài sản chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông N và bà Ngưng được Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xử ly hôn tại Bản án số 52/2020/HNGĐ-ST ngày 13/3/2020. Sau khi ly hôn, đến ngày 11/8/2020 ông N và bà N thỏa thuận phân chia phần đất, những tài sản còn lại ông bà chưa phân chia. Và ông N và bà Ngưng xác định trong thời kỳ hôn nhân ông bà có tạo dựng được tài sản chung gồm: 01 căn nhà trước; 01 căn nhà sau; 02 hồ nước; 01 bộ ván ngựa bốn tám ngang 02m x dài 4m; 02 tủ áo bằng cây gỗ địa phương; 01 Vò composit; 01 tủ phê bằng cây gỗ; 01 tủ lạnh hiệu Shap; 01 xe honda hiệu Wave biển kiểm soát 69F1. 076.51 do Hồ Hải Đ đứng tên; 02 bộ ly quăng bằng gạch và ông N bà N thông nhất giá trị còn lại các tài sản là 73.338.000 đồng. Căn cứ vào Điều 33 Luật hôn và nhân gia đình xác định nhà và tài sản trên là tài sản chung của ông N và bà N, nên theo quy định mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản trên.

[4] Xét yêu cầu của ông N và bà N được nhận nhà và các tài sản thấy rằng, hiện nay 02 căn nhà là tài sản chung của vợ chồng được xây dựng trên phần đất ông N được phân chia theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 11/8/2020 giữa bà Ngưng với ông N. Ngoài ra, nếu di chuyển các căn nhà đến vị trí khác dẫn đến giảm giá trị sử dụng các căn nhà. Cũng như, từ khi ly hôn đến nay ông Nhu là người trực tiếp quản lý sử dụng 02 căn nhà và các tài sản của vợ chồng để thờ cúng thân tộc. Nhằm không làm giảm bớt giá trị sử dụng của các tài sản,

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Nhu về yêu cầu được nhận hiện vật. Buộc ông Nhu có nghĩa vụ giao lại cho bà Ngưng  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản tương đương số tiền 36.669.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, tại đơn yêu cầu độc lập ngày 01/02/2021 Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N và bà N cùng có nghĩa vụ trả tổng số tiền vay và lãi là 15.077.627 đồng và lãi phát sinh đến thời điểm tất toán món nợ, nhưng tại phiên tòa Ngân hàng xin rút toàn bộ yêu cầu. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng về buộc ông N và bà N trả số tiền 15.077.627 đồng; nếu sau này Ngân hàng khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Xét yêu cầu về khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đàm Dơi số tiền 23.000.000 đồng. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án nhưng Ngân hàng không có ý kiến đối với yêu cầu của ông Nhu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên về chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhu là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí định giá: Tại phiên tòa ông N tự nguyện chịu chi phí định giá. Đây là sự tự nguyện của ông N, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông N đã nộp chi phí định giá số tiền 1.100.000 đồng và đã được đối chiếu xong vào ngày 05/3/2021.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông N và bà N mỗi người phải chịu 1.833.500 đồng (36.669.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 33, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 147, Điều 165, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn N .

1. Giao cho ông Hồ Văn N được quyền sở hữu gồm:

1.1. 01 căn nhà trước; 01 căn nhà sau; 02 hồ nước tọa lạc tại: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh C .

1.2. 01 bộ ván ngựa bốn tấm ngang 02m x dài 4m; 02 tủ áo bằng cây gỗ địa phương; 01 Vở composit; 01 tủ phê bằng cây gỗ; 01 tủ lạnh hiệu Shap; 01 xe honda hiệu Wave biển kiểm soát 69F1.076.51 do Hồ Hải Đ đứng tên giấy đăng ký; 02 bộ ly quảng bằng gạch, giá trị còn lại các tài sản 73.338.000 đồng.

1.3. Buộc ông Hồ Văn N có trách nhiệm giao lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 36.669.000 đồng (ba mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng) tương đương  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt N Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Hồ Văn Nhu phải chịu 1.833.500 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.975.000 đồng theo biên lai số 0011662 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi; ông Nhu được hoàn lại số tiền 141.500 đồng (mộ trăm bốn mươi một ngàn năm trăm đồng).

3.2. Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí 1.833.500 đồng, bà N chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đàm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Ngô Giang Nam**

